HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN
ĐOÀN GIÁM SÁT

Số: 134/BC-ĐGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 16 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2024"

Thực hiện Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát năm 2025; Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 về Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2024", Đoàn giám sát của HĐND tỉnh đã tổ chức giám sát trực tiếp tại các huyện Điện Biên Đông, Nậm Pồ, Mường Nhé, Tủa Chùa, Tuần Giáo; làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên; giám sát qua Báo cáo đối với các huyện, thị xã, thành phố và 03 sở, ngành tỉnh[1]. Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Tính đến hết năm 2024, dân số tỉnh Điện Biên là hơn 64,6 vạn người với 142.482 hộ, trong đó có 115.838 hộ dân nông thôn. Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 92,86% (*tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước tập trung: 53,56%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 39,30%*); trong đó, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 14,62% (*tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung: 11,78%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: 2,84%*). Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh là 92,80%; tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 3,63%. Tỷ lệ người dân thành thị được sử dụng nước sạch đạt 99,8%.

Tình hình sử dụng nước sinh hoạt của người dân trên địa bàn toàn tỉnh còn nhiều khó khăn, thách thức do địa hình núi cao, chia cắt; dân cư tại một số vùng cao, biên giới sống không tập trung, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn nước. Khu vực thành thị, hệ thống cấp nước tương đối ổn định, tỷ lệ người dân thành thị sử dụng nước sạch cao. Tại vùng nông thôn và miền núi, nhiều hộ dân vẫn phụ thuộc vào nguồn nước suối tự chảy, nước giếng hoặc bể chứa nước mưa, vì vậy tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch còn rất thấp.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN

[1] Các huyện: Điện Biên, Mường Chà, Mường Ảng, thị xã Mường Lay, Thành phố Điện Biên Phủ và các sở: Tài chính, Xây dựng và Y tế.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ban hành văn bản triển khai thực hiện

Trong giai đoạn 2021 - 2024, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, định hướng của Trung ương[2], UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành 07 văn bản; các sở, ngành ban hành 06 văn bản hướng dẫn để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã ban hành hơn 100 văn bản chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác quản lý, bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn và các văn bản tuyên truyền nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ nguồn nước, chấp hành các quy định về khai thác, sử dụng các công trình cấp nước trên địa bàn hiệu quả.

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo Báo cáo).

2. Công tác truyền thông, tuyên truyền tại các địa phương

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công đã tiến hành tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, các quy định hiện hành về bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt được đầu tư, vận hành trên địa bàn; tuyên truyền về ý nghĩa của việc sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trong đời sống hàng ngày, về tác hại của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước. Hoạt động tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức như treo pa nô, khẩu hiệu nhân các sự kiện có liên quan như: Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (từ ngày 29/4 - ngày 06/5), Ngày môi trường Thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn ngày 22/9; tuyên truyền lồng ghép trong các buổi sinh hoạt tổ dân phố, thôn, bản, trên hệ thống loa phát thanh và các buổi diễn văn nghệ tại các trường học,... Việc tuyên truyền đã giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn, nâng cao ý thức trong việc trồng rừng bảo vệ nguồn nước; giữ gìn vệ sinh môi trường; thay đổi hành vi, thói quen sử dụng nước chưa tiết kiệm, chưa bảo đảm sức khỏe.

Giai đoạn 2021 - 2024, Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (nay là Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường) đã thực hiện 27 lớp truyền thông, tuyên truyền cho 690 lượt người đại diện cho các hộ dân tại các xã thuộc địa bàn có các dự án cấp nước sạch tập trung thuộc Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới, các xã đăng ký hoàn thành Chương trình Xây dựng nông thôn mới, các xã khó khăn có nguồn nước ô nhiễm.

Tuy nhiên, qua giám sát cho thấy, công tác tuyên truyền tại một số địa phương, cơ sở còn hạn chế, chưa thực sự làm thay đổi nhận thức, thói quen của một bộ phận người dân trong sử dụng nước sinh hoạt hằng ngày, đặc biệt là người

---

[2] Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Quyết định số 1595/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36- KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, hộ nghèo, như uống nước lã trực tiếp lấy từ các mó nước, khe suối tự chảy không qua hệ thống lọc, bình lọc; tự lắp đặt ống dẫn nước từ đầu nguồn về sử dụng thay vì sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung nông thôn,...

Cùng với công tác truyền thông về sử dụng nước sạch, trong giai đoạn 2021- 2024, các sở ngành chuyên môn đã tổ chức 25 lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn về kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt cho 359 học viên làm công tác vệ sinh môi trường nước sạch tuyến huyện, thị xã, thành phố; thực hiện tốt việc kiểm tra chất lượng nước sạch theo quy định.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng các công trình cấp nước

1.1. Đối với nước sinh hoạt tập trung nông thôn

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 115.838 hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt từ **1.048** công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn. Trong 1.048 công trình, có 1.020 công trình giao cộng đồng quản lý; 03 công trình giao Hợp tác xã quản lý; 20 công trình giao Đơn vị sự nghiệp quản lý và 05 công trình giao Doanh nghiệp quản lý.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo Báo cáo).

Trong 1.048 công trình, có 08/1.048 công trình cấp nước bằng hình thức bơm dẫn và 1.040/1.048 công trình cấp nước bằng hình thức tự chảy. Trong đó:

- Công trình đang hoạt động hiệu quả: 612 công trình, đạt tỷ lệ 58,40%.

- Công trình hoạt động kém hiệu quả: 237 công trình, chiếm tỷ lệ 22,61%.

- Công trình không hoạt động: 199 công trình, chiếm tỷ lệ 18,99%.

Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 92,86%; trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 14,62%.

1.2. Đối với công trình nước sạch đô thị

Hiện nay, Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên có nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước sạch cho Nhân dân sinh sống tại thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và một số xã trung tâm tại 08 huyện trên địa bàn tỉnh. Công ty đang trực tiếp quản lý và vận hành 09 nhà máy nước với tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch là 175.508 người/công suất khai thác thực tế là 21.341m³/ngày đêm, đạt 150 lít/người/ngày đêm (tổng công suất thiết kế là 33.700m³/ngày đêm, tương đương khoảng 192,3 lít/người/ngày đêm). Hiện nay, tỷ lệ người dân trên địa bàn toàn tỉnh được sử dụng nước sạch từ các nhà máy của Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên quản lý, cung cấp là 66%.

Với tổng 09 nhà máy hiện đang hoạt động, trong đó 6/9 nhà máy hoạt động hiệu quả (*nhà máy nước Thành phố Điện Biên Phủ, Mường Chà, Mường Nhé, Mường Ảng, Tuần Giáo, Tủa Chùa*), đạt tỷ lệ 66,66% và 3/9 nhà máy hoạt động kém hiệu quả (*nhà máy nước huyện Nậm Pồ, huyện Điện Biên Đông và thị xã*

Mường Lay), chiếm tỷ lệ 33,34%; việc 03 nhà máy hoạt động kém hiệu quả do khó khăn về nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân.

2. Kết quả xây dựng, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt

Trong giai đoạn 2021 - 2024, số công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh được đầu tư xây mới và nâng cấp là 64 công trình/dự án. Tổng mức đầu tư là 153.399.945.976 đồng; trong đó, vốn trung ương là 127.392.249.776 đồng, vốn ngân sách tỉnh là 15.353.848.100 đồng, vốn khác (vốn vay lại nước ngoài) là 10.653.848.100 đồng. Kinh phí đã bố trí là 144.131.541.159 đồng; trong đó, vốn trung ương là 118.691.655.319 đồng, vốn ngân sách tỉnh là 15.460.706.340 đồng, vốn khác (vốn vay lại nước ngoài) là 9.979.179.500 đồng.

Trong tổng 64 công trình/dự án, có 23 công trình/dự án được đầu tư từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025 và 30 công trình/dự án được đầu tư từ nguồn vốn khác; trong đó: 18 công trình/dự án do Ban, ngành tỉnh làm chủ đầu tư, 07 công trình/dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư và 36 công trình/dự án do Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên làm chủ đầu tư. Các công trình/dự án cấp nước sinh hoạt trên địa bàn được đầu tư, nâng cấp trong giai đoạn 2021 - 2024 phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư, thứ tự ưu tiên và tính cấp thiết về nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo Báo cáo).

3. Tình hình duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sinh hoạt

Đối với các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn, sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, chủ đầu tư đã bàn giao về UBND cấp huyện, cấp xã, sau đó được giao cho các Tổ quản lý, khai thác, vận hành để quản lý, bảo vệ, khai thác và sự dụng theo mô hình cộng đồng. Trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng, đối với những hư hỏng nhỏ, hầu hết các Ban quản lý Tổ đã vận động cộng đồng dân cư thấy được trách nhiệm và lợi ích của gia đình nên tự sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình như thay van nước, nạo vét đập đầu mối, thay mới những đoạn ống dẫn nước gần khu dân cư, giữ gìn nguồn nước an toàn để cung cấp nước vào các công trình hoạt động ổn định, bền vững.

Đối với các công trình cấp nước do Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và Môi trường; Công ty Cổ phần cấp nước Điện Biên quản lý, vận hành và khai thác được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên từ nguồn thu tiền nước tại các công trình theo quy định *(Trong giai đoạn 2021- 2024, Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và Môi trường đã bố trí 1.206,51 triệu đồng chi phí bảo trì, sửa chữa nhỏ).* Việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và kịp thời xử lý những hư hỏng nhỏ đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm nước sạch ổn định cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của nhân dân, duy trì, bảo vệ công trình bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

UBND các cấp, các sở, ngành có chuyên môn đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đầu tư, xây dựng, nâng cấp, khai thác, vận hành các

công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh; các cơ sở đã thành lập được các Tổ quản lý khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung ở các thôn, bản để bảo vệ, vận hành khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn, giúp cho việc quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình nước sinh hoạt sau đầu tư.

Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh được tăng lên qua các năm. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt ổn định, thường xuyên và hợp vệ sinh đã tăng từ 84,42% năm 2021 lên 92,86% năm 2024, vượt 7,86 % mục tiêu đến năm 2025; tỷ lệ hộ dân nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 14,62%, vượt 4,62% mục tiêu đến năm 2025.

Nhiều công trình nước sinh hoạt tập trung nông thôn được xây dựng mới và được duy tu, sửa chữa đã giải quyết vấn đề khó khăn về nước sinh hoạt cho Nhân dân, nhất là đối với các bản vùng cao, vùng khó khăn, nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe của Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cơ sở. Các công trình cấp nước sạch đô thị được đầu tư, nâng cấp, bảo dưỡng định kỳ, trang thiết bị hiện đại đã kịp thời đáp ứng nhu cầu về sản lượng và chất lượng nước sạch theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; việc thất thoát nước được hạn chế và giảm dần theo năm.

Công tác tuyên truyền tại một số địa phương được quan tâm, chú trọng, vì vậy ý thức của người dân trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ các công trình và sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích được nâng lên. Nhiều hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã khắc phục được việc uống nước lã trực tiếp, hình thành thói quen đun nước sôi để nguội trước khi uống; tự nguyện thay sửa van nước, dây dẫn nước bị hỏng; không chăn thả gia súc tại nơi đầu nguồn nước, tích cực trồng rừng để giữ nguồn nước; sử dụng hóa chất trong canh tác, sản xuất theo hướng dẫn...

2. Tồn tại, hạn chế

- Có 199 công trình không còn hoạt động *(hết niên hạn sửa dụng, hỏng hóc, xuống cấp, không còn đập đầu mối,...)* nhưng chưa được các địa phương quan tâm thực hiện các thủ tục thanh lý; 237 công trình hoạt động kém bền vững chưa được bố trí kinh phí để sửa chữa, nâng cấp.

- Ở khu vực nông thôn, nhiều công trình cấp nước sạch chưa phát huy hết công suất thiết kế, doanh thu từ dịch vụ sử dụng nước sạch thấp, việc phát triển khách hành sử dụng nước sạch gặp khó khăn; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch còn thấp.

- Một số Tổ quản lý khai thác, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung ở các thôn, bản hoạt động còn hạn chế, trách nhiệm của các thành viên Tổ quản lý chưa cao, chủ yếu do Trưởng bản, Thôn đội trưởng thực hiện thực hiện trách nhiệm; một số Tổ tự giải thể, không còn hoạt động.

- Hầu hết các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; những công trình cấp nước sạch nông thôn gần khu dân cư chưa có giấy phép sử dụng hành lang đường giao thông.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp, gây mất cân bằng lưu lượng nước giữa các mùa, thiếu hụt nước vào mùa khô và lũ lụt vào mùa mưa làm hư hỏng hệ thống cấp nước, ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình. Địa hình miền núi phức tạp cho công tác thi công, lắp đặt và bảo vệ hệ thống cấp nước.

Chưa có khung pháp lý quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp cung cấp nước, chính quyền địa phương, cơ sở và người dân trong việc sử dụng nước sạch. Chưa có chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại nâng cao chất lượng nước sạch.

Công tác đấu thầu quản lý khai thác vận hành, công tác giao tài sản cho đơn vị có cổ phần vốn nhà nước tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025 các văn bản còn chồng chéo chưa có sự đồng nhất.

Đời sống của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng cao còn nhiều khó khăn, nguồn thu nhập của gia đình hạn chế, nhất là những hộ nghèo, hộ cận nghèo nên còn có khó khăn trong việc chi trả tiền sử dụng nước sạch ở khu vực nông thôn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền, phổ biến về quy trình vận hành, bảo dưỡng các công trình cấp nước sinh hoạt đến với Nhân dân của một số chính quyền địa phương chưa thật sự được quan tâm, chú trọng, nhất là cấp xã, thôn, bản.

Công tác phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra hiệu quả công trình sau đầu tư chưa được thực hiện thường xuyên; chưa hướng dẫn các địa phương quy trình thanh lý các công trình cấp nước không còn hoạt động. Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư, đơn vị thi công nâng cấp cơ sở hạ tầng với đơn vị cấp nước sinh hoạt chưa chặt chẽ nên trong quá trình thi công một số công trình hạ tầng cơ sở đã làm hư hỏng hệ thống cấp nước, gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước, gián đoạn việc cung cấp nước phục vụ nhân dân.

Một bộ phận hộ gia đình, người dân chưa có ý thức cao trong bảo vệ tài sản của Nhà nước nên vẫn còn tình trạng chặt phá, trộm cắp đường ống nước, đập phá bể chứa nước để lấy sắt, thép, tự ý đấu nối nước trái phép, hỏng van nước, cút nối nhưng không sửa chữa, thay thế; chưa có ý thức trong bảo vệ nguồn nước; người dân tự ý khoan giếng hoặc tự lắp đặt đường ống dẫn nước từ đầu nguồn về gia đình sử dụng, trong khi công trình nước sinh hoạt tập trung đã được đầu tư, gây lãng phí nguồn lực.

Kinh phí bố trí cho việc nâng cấp, sửa chữa các công trình còn hạn chế, nhất là các công trình giao cho UBND các xã quản lý. Vì vậy nhiều công trình do cộng đồng quản lý, khai thác đã hư hỏng, xuống cấp, hoạt động kém hiệu quả nhưng chưa được bố trí kinh phí duy tu, sữa chữa.

Việc đầu tư một số công trình chưa đồng bộ, thiếu trang thiết bị hiện đại; một số công trình quy mô nhỏ, vị trí xây dựng không phù hợp với điều kiện địa hình nên áp suất nước thấp, chưa đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có một phần trách nhiệm của UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý cấp nước sinh hoạt.

Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong xây dựng kế hoạch đầu tư, cân đối, bố trí ngân sách duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình; trách nhiệm trong việc chưa thực hiện các thủ tục thanh lý đối với những công trình nước sinh hoạt không còn hoạt động; trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức trong việc quản lý, vận hành khai thác các công trình và bảo vệ nguồn nước sinh hoạt.

Trách nhiệm phối hợp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát chất lượng nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, các đơn vị cung cấp nước; trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn thanh lý tài sản của các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND tỉnh

- Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình cấp nước sạch, các công trình cấp sinh hoạt cho các khu vực nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương để nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh; đặc biệt là các địa bàn vùng cao, vùng khó khăn, vùng khan hiếm về nguồn nước sinh hoạt.

- Kiến Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại nâng cao chất lượng nước; ban hành khung pháp lý quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp cung cấp nước, chính quyền địa phương, cơ sở và người dân trong việc sử dụng nước sạch. Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút Nhà đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư để cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là khu vực có khó khăn, khan hiếm về nguồn nước.

- Chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư các dự án nâng cấp hạ tầng cơ sở phối hợp với các đơn vị cấp nước, nhất là nước sạch đô thị có phương án bảo đảm an toàn hệ thống cấp nước khi thi công các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống cấp nước.

- Chỉ đạo các Sở: Xây dựng, Tài Chính, Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản là các công trình cấp nước không còn hoạt động, hết niên hạn sử dụng theo quy định.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh chưa được cấp giấy.

- Chỉ đạo các cơ sở tăng cường công tác trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, đặc biệt là các khu vực đầu nguồn nước. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức trong công tác bảo vệ các công trình cấp nước sinh hoạt và bảo vệ, giữ gìn các nguồn cung cấp nước....

2. Đối với các Sở, ngành có liên quan

Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Y tế trong kiểm định chất lượng nước sạch; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, cơ sở tiến hành các thủ tục thanh lý các công trình không còn niên hạn sử dụng; phối hợp với cơ sở và các đơn vị cung cấp nước tiếp tục hướng dẫn, tuyên truyền bằng nhiều hình thức để nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ công trình, bảo vệ nguồn nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đối với các đơn vị cung cấp nước

Tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác và xử lý nguồn nước, mở rộng diện tích cung cấp nước sạch, nước đạt quy chuẩn; tăng cường các biện pháp bảo vệ các công trình cấp nước, chống thất thoát nước.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư, quản lý, cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021- 2024" của HĐND tỉnh./.

***Nơi nhận*:**
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ (b/c);
- Bộ NN và MT; Bộ Tài Chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh,
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Sở Xây dựng; Y tế; Tài chính;
- Thành viên đoàn giám sát;
- TTHU, HĐND, UBND các huyện,TX, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường (sau sắp xếp);
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các tổ chức được giám sát trực tiếp;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA HĐND TỈNH
KT.TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Giàng Thị Hoa

Biểu số 01

Các văn bản của UBND tỉnh và ngành chuyên môn đã triển khai

(Kèm theo Báo cáo số: 94/BC-ĐGS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)

Stt	Đơn vị ban hàn	Loại văn bản	Trích yếu tên văn bản	Ghi chú
1	UBND tỉnh	Kế hoạch	số 940/KH-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch về tổ chức quản lý khai thác, vận hành công trình thủy lợi và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	Năm 2022
2	UBND tỉnh	Kế hoạch	số 1280/KH-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch về việc thực hiện chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Năm 2022
3	UBND tỉnh	Công văn	số 2134/UBND-KT ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh V/v triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	Năm 2022
4	UBND tỉnh	Công văn	số 13/UBND-KTN ngày 04/1/2023 của UBND tỉnh V/v triển khai Quyết định số 1595/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2023
5	UBND tỉnh	Kế hoạch	số 1038/KH-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch hành động về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2023
6	UBND tỉnh	Quyết định	số 33/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Năm 2023

7	UBND tỉnh	Công văn	số 1246/UBND-KTN ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2023
8	Sở Nông nghiệp	Hướng dẫn	số 2075/HD-SNN ngày 19/9/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn về việc thành lập, quản lý, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Năm 2022
9	Sở Nông nghiệp	Công văn	số 1666/SNN-CCTL ngày 29/7/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Triển khai Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch	Năm 2022
10	Sở Nông nghiệp	Công văn	số 1129/SNN-CCTL ngày 30/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn	Năm 2023
11	Sở Nông nghiệp	Công văn	số 2653/SNN-CCTL ngày 03/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT V/v đôn đốc triển khai thực hiện công văn số 1129/SNN-CCTL ngày 30/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2023
12	Sở Nông nghiệp	Công văn	số 1549/SNN-CCTL ngày 09/7/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc triển khai Quyết định số 1893/QĐBNN-TL ngày 24/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn và Tài liệu hướng dẫn triển khai	Năm 2024
13	Sở Nông nghiệp	Công văn	số 2558/SNN-CCTL ngày 16/10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc triển khai Quyết định số 1893/QĐBNN-TL về Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn	Năm 2024

Biểu Số 02

Danh mục các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn quản lý theo mô hình

(Kèm theo Báo cáo số: 134/BC-ĐGS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa chỉ	Đơn vị quản lý vận hành	Ghi chú
I	**Mô hình Hợp tác xã quản lý: 03 công trình**			
1	NSH đội 13, 14 Pú Tửu	Xã Thanh Xương - huyện Điện Biên	Hợp tác xã	
2	NSH bản Bồ Hóng	Xã Thanh Xương - huyện Điện Biên	Hợp tác xã	
3	Hệ thống Giếng Pá Bông	Xã Thanh Xương - huyện Điện Biên	Hợp tác xã	
II	**Mô hình Doanh nghiệp quản lý: 05 công trình**			
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước tại địa phương đảm bảo an ninh nước sạch cho người dân khu vực khó khăn xã Thanh Nưa, Hua Thanh	Xã Thanh Nưa - huyện Điện Biên	Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên	
2	NSH tổ dân phố 1,2, xã Thanh Minh	Xã Thanh Minh - TP. Điện Biên Phủ	Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên	
3	NSH cụm Lọng Hỏm	Xã Thanh Minh - TP. Điện Biên Phủ	Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên	
4	Nước sinh hoạt bản Bắc I + Bắc II + bản Ô+ Na ka	Xã Lay Nưa - Thị xã Mường Lay	Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên	
5	NSH Trung tâm huyện	Xã Mường Nhé - huyện Mường Nhé	Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên	
III	**Mô hình đơn vị sự nghiệp quản lý: 20 công trình**			
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Lạn và các bản lân cận huyện Mường Ảng.	Xã Mường Lạn - huyện Mường Ảng	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB

2	Cấp nước sinh hoạt xã Ngối Cáy và các bản lân cận huyện Mường Ảng.	Xã Ngối Cáy - huyện Mường Ảng	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
3	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Đun và các bản lân cận huyện Tủa Chùa.	Xã Mường Đun - huyện Tủa Chùa	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
4	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Nhà và các bản lân cận huyện Điện Biên.	Xã Mường Nhà - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
5	Cấp nước sinh hoạt bản Sư Lư 1,2,3,4,5 xã Na Son, huyện Điện Biên Đông.	Bản Sư Lư 1,2,3,4,5 - xã Na Son - huyện Điện Đông Đông	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
6	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Chà Cang và các bản lân cận huyện Nậm Pồ.	Xã Chà Cang - huyện Nậm Pồ	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
7	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Quài Nưa và các bản lân cận huyện Tuần Giáo.	Xã Quài Nưa - huyện Tuần Giáo	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
8	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Nà Sáy và các bản lân cận huyện Tuần Giáo.	Xã Nà Sáy - huyện Tuần Giáo	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
9	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt liên bản xã Thanh Chăn huyện Điện Biên.	Xã Thanh Chăn - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
10	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Na Tông và các bản lân cận huyện Điện Biên.	Xã Na Tông - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB

11	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Pú Nhung và các bản lân cận huyện Tuần Giáo.	Xã Pú Nhung - huyện Tuần Giáo	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
12	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Quài Tở và các bản lân cận huyện Tuần Giáo.	Xã Quài Tở - huyện Tuần Giáo	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
13	Công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Núa Ngam	Xã Núa Ngam - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
14	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Xã Thanh Xương - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
15	NSH trung tâm xã Sam Mứn và các bản lân cận	Xã Sam Mứn - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
16	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh An, huyện Điện Biên	Xã Thanh An - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
17	Cấp nước sinh hoạt Bản Phủ, huyện Điện Biên	Xã Noong Hẹt - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
18	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Noong Hẹt và các bản lân cận huyện Điện Biên	Xã Noong Hẹt - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
19	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Xã Thanh Yên - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB
20	Công trình Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Thanh Hưng, Thanh Luông và các bản lân cận huyện Điện Biên	Xã Thanh Hưng - huyện Điện Biên	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên và môi trường	Vốn Chương trình WB

Biểu số 03

...quả ... các công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024

(Kèm theo Báo cáo số 134BC-ĐGS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên công trình/dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư	Thời gian khởi công- hoàn thành		Tổng mức đầu tư					Kinh phí đã bố trí					Kinh phí còn thiếu		Công nợ còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành	ghi chú
					(Số Quyết định; ngày tháng năm)		Tổng số	trong đó:				Tổng số	trong đó:				Số tiền	Nguồn kinh phí phải trả		
								Vốn TW	Vốn ngân sách tỉnh	NS huyện	Vốn khác (vay lại nước ngoài)		Vốn TW	Vốn ngân sách tỉnh	NS huyện	Vốn khác (vay lại nước ngoài)				
	TỔNG SỐ TOÀN TỈNH						153.399.945.976	127.392.249.776	15.353.848.100	-	10.653.848.100	144.131.541.159	118.691.655.319	15.460.706.340	-	9.979.179.500	818.409.000	-		
							12.799.761.469	11.399.761.469	1.400.000.000	0	0	12.266.870.407	10.941.810.407	1.325.060.000	0	0	0	0		
I	Huyện Mường Nhé																			
1	Nước sinh hoạt bản Lò San Chải, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	UBND huyện Mường Nhé (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Mường Nhé)		639/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	14/01/2016	10/03/2016	QĐ số 09/QĐ-STC ngày 15/01/2021	1.222.645.149	1.222.645.149				1.049.796.000	1.049.796.000				0		0	đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
2	Cấp nước sinh hoạt bản Húi To 1 và Húi To 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên)		Số 661/QĐ-UBND ngày 30/7/2015	08/01/2016	05/06/2019	QĐ số 238/QĐ-STC ngày 08/12/2021	2.806.000.000	2.806.000.000				2.778.111.000	2.778.111.000				0		0	đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
3	Nước sinh hoạt bản Mường Toong 5, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên		Số 1565/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	07/09/2016	06/12/2016	QĐ số 47/QĐ-STC ngày 04/04/2022	911.216.320	911.216.320				869.066.407	869.066.407				0		0	đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
4	Nước sinh hoạt bản Mường Toong 4, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Điện Biên		Số 1564/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	18/10/2016	06/12/2016	QĐ số 55/QĐ-STC ngày 18/04/2022	1.364.900.000	1.364.900.000				1.294.828.000	1.294.828.000				0		0	đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
5	Nước sinh hoạt bản Huổi Hốc, xã Nậm Kè và bản Nậm Chà Nọi 2, xã Quảng Lâm, huyện Mường Nhé	UBND huyện Mường Nhé (Ban QLDA các công trình huyện Mường Nhé)		1578/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	31/11/2016	25/04/2017	QĐ số 104/QĐ-STC ngày 20/07/2022	5.095.000.000	5.095.000.000				4.950.009.000	4.950.009.000				0		0	đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên
6	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Đồn Biên phòng Nậm Kè	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên			22/06/2021	31/12/2022	QĐ số 78/QĐ-STC ngày 14/08/2023	1.400.000.000		1.400.000.000			1.325.060.000		1.325.060.000			0		0	Vốn ngân sách địa phương trong dự toán thu, chi hàng năm của tỉnh (Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư)
II	Huyện Tuần Giáo						50.086.703.507	44.706.703.507	2.690.000.000	0	2.690.000.000	48.236.106.000	42.238.012.500	3.445.799.000	0	2.552.294.500	806.975.000	0		
1	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Nà Sáy và các bản lân cận huyện Tuần Giáo	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên		Số 235/QĐ-UBND, ngày 22/3/2019	27/06/2019	27/08/2021	QĐ số 193/QĐ-STC ngày 02/11/2021	8.000.000.000	4.000.000.000	500.000.000		500.000.000	4.547.373.000	3.619.887.000	475.000.000		452.486.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
2	Cấp nước sinh hoạt TTCX Phình Sáng, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	UBND huyện Tuần Giáo (Ban QLDA các công trình huyện Tuần Giáo)			15/12/2008	17/01/2011	QĐ số 130/QĐ-STC ngày 25/08/2021	1.134.000.000	1.134.000.000				879.335.000	879.335.000				0		0	Nguồn vốn trung tâm cụm xã thuộc Chương trình 135 của huyện Tuần Giáo
3	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Quài Tở và các bản lân cận huyện Tuần Giáo	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Số 1270/QĐ-UBND, ngày 11/12/2019	14/01/2020	15/12/2021	QĐ số 176/QĐ-STC ngày 07/11/2022	14.908.000.000	11.920.000.000	1.490.000.000		1.490.000.000	14.436.235.000	*11.511.555.500*	1.463.824.000		*1.440.855.500*	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
4	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Pú Nhung và các bản lân cận huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Số 837/QĐ-UBND , ngày 02/10/2018	31/12/2020	08/11/2021	QĐ số 03/QĐ-STC ngày 06/01 2023	7.000.000.000	5.600.000.000	700.000.000		700.000.000	6.630.577.000	5.271.624.000	700.000.000		658.953.000	-		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
5	Thủy lợi và cấp nước sinh hoạt Nậm Mu, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	UBND huyện Tuần Giáo (Ban QLDA các công trình huyện Tuần Giáo)		69/QĐ-UBND ngày 10/01/2021	23/09/2011	13/03/2020	QĐ số 69/QĐ-STC ngày 24/07/2023	22.052.703.507	22.052.703.507				21.762.586.000	20.955.611.000	806.975.000			806.975.000	Ngân sách địa phương	0	ốn hỗ trợ đối ứng ODA; Vốn JICA SPL VI; Vốn trái phiếu Chính phủ; Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương
III	Huyện Điện Biên						81.238.481.000	63.710.784.800	9.563.848.100	0	7.963.848.100	75.237.942.340	58.743.216.000	9.067.841.340	0	7.426.885.000	0	0	0	
1	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên		1141/QĐ-UBND ngày 04/112019	24/12/2019	03/06/2021	QĐ số 115/QĐ-STC ngày 30/07/2021	5.450.000.000	4.360.000.000	545.000.000		545.000.000	4.628.398.000	3.633.148.000	541.106.000		454.144.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
2	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên		Số 1065/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	25/12/2019	05/11/2020	QĐ số 150/QĐ-STC ngày 13/09/2021	2.208.481.000	1.766.784.800	220848100		220.848.100	1.893.146.000	1.490.728.000	216.077.000		186.341.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
3	Cấp nước sinh hoạt xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên		Số 1271/QĐ-UBND, ngày 11/12/2019	18/03/2019	28/02/2020	QĐ số 185/QĐ-STC ngày 26/10/2021	10.100.000.000	8.080.000.000	1.010.000.000		1.010.000.000	8.837.641.000	6.966.792.000	1.000.000.000		870.849.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
4	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt liên bản xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên		Số 1264/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	28/06/2019	26/06/2021	QĐ số 199/QĐ-STC ngày 10/11/2021	4.000.000.000	3.200.000.000	400.000.000		400.000.000	3.521.860.340	2.788.779.000	384.484.340		348.597.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB

5	Cấp nước sinh hoạt bản Phủ, huyện Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên		Số 1142/QĐ-UBND , ngày 14/11/2019	27/12/2019	01/07/2021	QĐ số 208/QĐ-STC ngày 16/11/2021	7.600.000.000	6.080.000.000	760000000		760.000.000	6.928.138.000	5.408.138.000	760.000.000		760.000.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
6	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh An, huyện Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Số 1140/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	27/12/2019	01/07/2021	QĐ số 189/QĐ-STC ngày 16/11/2022	12.000.000.000	9.600.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	9.983.548.000	7.986.838.000	998.355.000		998.355.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
7	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Na Tông và các bản lân cận huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Số 788/QĐ-UBND, ngày 06/9/2017	07/12/2017	18/01/2022	QĐ số 202/QĐ-STC ngày 29/11/2022	7.780.000.000	6.224.000.000	778.000.000		778.000.000	7.632.026.000	6.170.408.000	690.317.000		771.301.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
8	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Trạm kiểm soát liên hợp Tây Trang/ Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Tây Trang	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên			30/06/2021	31/12/2022	QĐ số 99/QĐ-STC ngày 04/10/2023	1.600.000.000		1.600.000.000			1.493.945.000		1.493.945.000			0		0	Vốn ngân sách địa phương trong dự toán thu, chi hàng năm của tỉnh (Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư)
9	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Thanh Hưng, Thanh Luông và các bản lân cận huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Số 784/QĐ-UBND, ngày 06/9/2017	15/10/2018	20/03/2022	QĐ số 123/QĐ-STC ngày 15/11/2023	30.500.000.000	24.400.000.000	3.050.000.000		3.050.000.000	30.319.240.000	24.298.385.000	2.983.557.000		3.037.298.000	0		0	Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả vốn vay WB
IV	**Huyện Mường Chà**							**1.400.000.000**	**1.400.000.000**	**0**	**0**	**0**	**1.374.743.804**	**1.374.743.804**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Nước sinh hoạt bản Kết Tinh, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (thuộc dự án sắp xếp, ổn định dân cư biên giới Việt - Lào, bản Kết Tinh, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục phát triển nông thôn)			13/11/2021	24/12/2021	QĐ số 172/QĐ-STC ngày 04/11/2022	1.400.000.000	1.400.000.000				1.374.743.804	1.374.743.804				0		0	Vốn dự phòng ngân sách trung ương
IV	**Huyện Nậm Pồ**							**1.700.000.000**	**0**	**1.700.000.000**	**0**	**0**	**1.622.006.000**	**0**	**1.622.006.000**	**0**	**0**	**0**			
1	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Đồn Biên phòng Na Cô Sa (435)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên			12/09/2020	30/12/2020	QĐ số 02/QĐ-STC ngày 03/01/2023	1.700.000.000		1.700.000.000			1.622.006.000		1.622.006.000			0		0	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư
V	**Thị xã Mường Lay**							**2.115.000.000**	**2.115.000.000**	**0**	**0**	**0**	**2.053.825.608**	**2.053.825.608**	**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	
1	Hệ thống nước sinh hoạt điểm định canh định cư Hồ Huổi Lường A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	UBND thị xã Mường Lay (Ban QLDA các công trình thị xã Mường Lay)		1554/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	10/11/2022	25/08/2023	QĐ số 77/QĐ-STC ngày 27/06/2024	2.115.000.000	2.115.000.000				2.053.825.608	2.053.825.608				0		0	Vốn Ngân sách trung ương Chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ số 2085/QĐ-TTg ngày 30/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn 2021-2025
VI	**Huyện Tủa Chùa**							**4.060.000.000**	**4.060.000.000**	**-**	**-**	**-**	**3.340.047.000**	**3.340.047.000**	**-**	**-**	**-**	**11.434.000**			
1	Cấp nước sinh hoạt cụm Pa Phông thuộc khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Só vùng tái định cư huyện Tủa Chùa	UBND huyện Tủa Chùa (Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tủa Chùa)			28/03/2023	03/07/2023	QĐ số 130/QĐ-STC ngày 12/09/2024	560.000.000	560.000.000				515.765.000	515.765.000				450.000	Vốn thực hiện Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La giai đoạn II	450.000	Đã bố trí đủ kế hoạch vốn năm 2023, chủ đầu tư chưa thực hiện giải ngân
2	Cấp nước sinh hoạt thôn Huổi Ca thuộc khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Só, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa	UBND huyện Tủa Chùa (Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tua Chùa)			09/05/2023	03/01/2024	QĐ số 148/QĐ-STC ngày 14/10/2024	1.900.000.000	1.900.000.000				1.334.391.000	1.334.391.000							Kế hoạch vốn năm 2025 đã bố trí đủ thực hiện dự án
3	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Tà Si Láng, xã Tua Thàng, vùng tái định cư huyện Tua Chùa	UBND huyện Tủa Chùa (Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tua Chùa)			11/05/2023	05/01/2024	QĐ số 165/QĐ-STC ngày 15/11/2024	1.600.000.000	1.600.000.000				1.489.891.000	1.489.891.000				10.984.000	Vốn thực hiện Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La giai đoạn II	10.984.000	Đã bố trí đủ kế hoạch vốn năm 2023, chủ đầu tư chưa thực hiện giải ngân
	Công trình đầu tư vốn khác																				
I	**Công trình Năm 2021**																				
1	Nâng cấp, cải tạo đập đầu mối Nhà máy nước Nậm Cản, thị xã Mường Lay	Công ty CP cấp nước Điện Biên			8/2021	12/2021	12/2021	1.800.000.000				1.800.000.000					1.319.639.000				
2	Gói thầu thi công xây dựng công trình số 1: San nền, kè + tường chắn	Công ty CP cấp nước Điện Biên			11/2021	8/2022	8/2022	5.667.011.133				0					0				
3	Xây dựng hệ thống nước xả thải nhà máy nước các huyện thị	Công ty CP cấp nước Điện Biên			11/2021	12/2021	12/2021	2.296.916.000				2.296.916.000					2.296.916.000				
4	Lắp đặt hệ thống giám sát chất lượng nước đầu vào và đầu ra nhà máy nước các huyện thị (Tua Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên đông, Mường Lay, Mường Chà, Mường Nhé)	Công ty CP cấp nước Điện Biên			10/2020	5/2021	5/2021	7.300.000.000				7.300.000.000					7.163.500.600				
5	Lắp đặt đường ống mạng cấp II-III tổ 5 Thanh Trường	Công ty CP cấp nước Điện Biên			5/2021	5/2021	5/2021	550.000.000				550.000.000					484.012.416				
6	Lắp đặt bơm tăng áp cho xã Sam Mứn và một số khu vực thuộc xã Pom Lót huyện ĐB	Công ty CP cấp nước Điện Biên			9/2021	10/2021	10/2021	389.336.800				389.336.800					348.038.500				
7	Lắp đặt bơm tăng áp cấp nước cho trung tâm huyện lỵ, huyện Điện Biên	Công ty CP cấp nước Điện Biên			10/2021	10/2021	10/2021	1.000.000.000				1.000.000.000					874.097.050				
8	Nâng cấp, cải tạo các tuyến ống mạng cấp II-III NMN huyện Tuần Giáo	Công ty CP cấp nước Điện Biên			11/2020	7/2021	7/2021	10.250.000.000				10.250.000.000					9.406.313.876				
II	**Công trình năm 2022**																				

1	Xây dựng hệ thống xử lý nước xả thải Nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ	Công ty CP cấp nước Điện Biên			10/2022	11/2022	12/2022	1.360.000.000				1.360.000.000					1.178.307.046				
2	Sửa chữa nhà vận hành phân xưởng sản xuất nước sạch nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ	Công ty CP cấp nước Điện Biên			5/2022	8/2022	8/2022	410.000.000				410.000.000					352.143.845				
3	Lắp đường ống cấp nước thô cho Nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ khắc phục sự cố mùa mưa lũ năm 2022	Công ty CP cấp nước Điện Biên			11/222	11/222	12/2022	1.570.000.000				1.570.000.000					1.367.426.786				
4	XD ga ra văn phòng công ty và tường chắn nước đinh kè mặt bằng xây dựng mở rộng NMN TP ĐB phủ	Công ty CP cấp nước Điện Biên			9/2022	10/2022	10/2022	318.634.824				318.634.824					318.634.824				
5	Bổ sung nguồn nước thô cho Nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ	Công ty CP cấp nước Điện Biên			5/2022	8/2023	8/2023	24.946.928.540				24.946.928.540					24.946.928.540				
6	Mở rộng Trụ sở làm việc Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên	Công ty CP cấp nước Điện Biên			4/2023	7/2023	8/2023	2.000.000.000				2.000.000.000					1.880.933.438				
III	**Công trình năm 2023**																				
1	Cải tạo tường rào, Nhà điều hành, Nhà trạm bơm rửa lọc và xây kè đường lên Nhà máy nước Nậm Cản thị xã Mường Lay	Công ty CP cấp nước Điện Biên			4/2023	6/2023	6/2023	1.200.000.000				1.200.000.000					1.108.513.610				
2	Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước thô cho nhà máy nước huyện Mường Chà	Công ty CP cấp nước Điện Biên			8/2023	10/2023	10/2023	4.500.000.000				4.500.000.000					3.889.719.334				
3	Cải tạo nhà điều hành, nhà hoá chất, nhà trạm bơm cấp II nhà máy nước Tuần Giáo	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			1 2024	4/2024	4/2024	1.500.000.000				1.500.000.000					1.042.333.152				
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến ống mạng cấp II+III nhà máy nước huyện Tủa Chùa	Công ty CP cấp nước Điện Biên			6/2024	7/2024	7/2024	10.000.000.000				10.000.000.000					8.972.009.873				
5	Nâng cấp, cải tạo mạng cấp II và di chuyển đồng hồ đo nước của khách hàng khu vực thị trấn Mường Ảng thuộc kế hoạch nâng cấp, cải tạo, di chuyển đường ống mạng cấp I, II+III và đồng hồ đo nước của khách hàng khu vực thành phố và các huyện thị	Công ty CP cấp nước Điện Biên			12 2023	12/2023	12/2023	750.000.000				750.000.000					657.748.945				
6	Lắp đặt thiết bị quan trắc, giám sát tài nguyên tự động kết nối vào hệ thống thu nhận dữ liệu của cơ quan nhà nước về tài nguyên nước	Công ty CP cấp nước Điện Biên			4 2023	3/2025		4.460.000.000				4.460.000.000					4.219.000.000				
7	Lắp đặt bổ sung đường ống cấp nước, cấp nước cho khu vực Thanh Bình, Thanh Trường, Thanh Nưa, Thanh Luông, Thanh Hưng đoạn từ cầu A1 đến ngã ba đi Thanh Hưng, Thanh Luông	Công ty CP cấp nước Điện Biên			4 2023	5/2023	5/2023	419.509.500				419.509.500					419.509.500				
8	Kè bảo vệ đường lên nhà máy, đổ bù sân bê tông NMN huyện Mường Nhé	Công ty CP cấp nước Điện Biên			3 2023	5/2023	5/2023	857.000.000				857.000.000					857.000.000				
9	Cải tạo đường ống mạng cấp II và di chuyển đồng hồ đo nước của khách hàng khu vực thị xã Mường Lay	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			4 2023	11/2024	11/2024	335.000.000				335.000.000					-				
10	Mở rộng Trụ sở làm việc Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			3 2023	7/2023	7/2023	2.000.000.000				2.000.000.000					-				
11	Lắp đặt hệ thống giám sát chất lượng nước đầu vào và đầu ra nhà máy nước huyện Nậm Pồ và nhà máy nước huyện Mường Ảng	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			10 2023	1/2024	1/2024	1.250.000.000				1.250.000.000					-				
12	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống cấp nước phường Noong Bua TP Điện Biên Phủ.	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			11 2023	4/2024	6/2024	5.630.927.000				5.630.927.000					-				
13	Cải tạo nhà điều hành, nhà hóa chất, nhà trạm bơm cấp II NMN huyện Mường Chà	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			11 2023	4/2024	5/2024	900.000.000				900.000.000					-				
14	Xây dựng cống xả đáy và nạo vét bùn hồ chứa nước nhà máy nước Điện Biên Đông	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			11 2023	5/2024	5/2024	5.000.000.000				5.000.000.000					-				
IV	**Công trình năm 2024**																				
1	Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực phía tây Thành phố Điện Biên Phủ (đoạn từ cầu A1 đến bờ mương Độc Lập)	Công ty CP cấp nước Điện Biên			8 2024	9/2024	11/2024	13.000.000.000				13.000.000.000					11.868.086.703				

2	Nâng cấp, cải tạo bổ sung các tuyến ống mạng cấp II-III nhà máy nước huyện Tuần Giáo	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			6/2024	7/2024	10/2024	1.000.000.000				1.000.000.000					845.293.569				
3	Mua đồng hồ thay thế định kỳ và lắp đặt phát triển khách hàng khu vực Thành phố Điện Biên Phủ, các huyện và thị xã	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			7/2024	8/2024	8/2024	2.200.000.000				2.200.000.000					1.749.343.000				
4	Thay thế bơm trạm bơm cấp I nhà máy nước Tuần Giáo	Công ty CP cấp nước Điện Biên			11/2024	12/2024	12/2024	1.400.000.000				1.400.000.000					1.215.602.829				
5	Nâng cấp tuyến ống cấp I cấp nước cho phường Thanh Bình, Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ (đoạn từ bờ mương Độc Lập đến số nhà 10, tổ dân phố 1, phường Thanh Bình)	Công ty CP cấp nước Điện Biên			8/2024	10/2024	01/2025	5.573.830.532				5.573.830.532					5.573.830.532				
6	Cải tạo trụ sở làm việc công ty cổ phần cấp nước Điện Biên	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			8/2024	11/2024	11/2024	4.000.000.000				4.000.000.000					3.936.954.070				
7	Cải tạo đường ống mạng cấp II - III và di chuyển đồng hồ đo nước của khách hàng khu vực thị xã Mường Lay	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			9/2024	11/2024	11/2024	660.000.000				660.000.000					553.710.358				
8	Nâng cấp đường lên NMN huyện Điện Biên Đông.	Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên			9/2024	11/2024	11/2024	1.200.000.000				1.200.000.000					1.162.641.229				